BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA VIỆT NAM
Số: 751 /CĐTNĐ-QLKCHT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 13 tháng 5 năm 2019

THÔNG BÁO LUỒNG
Thường xuyên đường thủy nội địa quốc gia tháng 5 năm 2019-miền Nam

Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ Giao thông vận tải qui định về khảo sát phục vụ quản lý và thông báo luồng đường thuỷ nội địa;

Căn cứ văn bản số 593/CCĐTNĐPN-QLHT ngày 8/5/2019 của Chi cục ĐTNĐ phía Nam v/v Báo cáo luồng tháng 5/2019;

Cục Đường thủy nội địa Việt Nam công bố thông báo luồng thường xuyên đường thủy nội địa tháng 5/2019 các tuyến sông khu vựcmiềnNamnhư sau:

I. Tình hình mực nước

TT	Trạm	H_{max}(m)	H_{min}(m)	Hđo-ngày	Vị trí Trạm
1	Phú Cường	+1,55	-1,20	16/04 21/04	Km 55+650 bờ trái sông Sài Gòn, xã Chánh Mỹ, TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
2	Sông Tiền	+1,26	-1,66	20/04 25/04	Km 65+400 bờ trái sông Tiền, xã Tân Mỹ Chánh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
3	Chợ Gạo	+1,09	-1,53	20/04 18/04	Km 20+200 bờ phải kênh Chợ Gạo xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang
4	Chợ Lách	+1,80	-0,80	14/04 30/04	Km 03+700 bờ trái kênh Chợ Lách, thị trấn Chợ Lách, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre
5	Bến Tre	+1,66	-1,04	16/04 21/04	Km 3+800 bờ phải sông Bến tre, Khu phố1, P.8, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre
6	Măng Thít	+1,54	-1,32	03/04 09/04	Km 36+550 bờ hữu sông Măng Thít, Khóm 4, TT Tam Bình, huyện Tam Bình, Vĩnh Long
7	Sóc Trăng	+1,71	-0,57	17/04 21/04	Km 11+150 bờ phải kênh Phú Hữu Bãi Xàu, phường 4, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
8	Ô Môn	+1,39	-0,67	17/04 21/04	Km 04+140 bờ phải rạch Ô Môn, Khu vực Thới Hoà, phường Thới An, TP.Cần Thơ
	Tri Tôn	+0.52	+0.14	20/04 30/04	Km 06+300 bờ trái kênh Tám Ngàn, thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang
9	Năm Căn	+1,57	-0,48	10/04 16/04	Km 0+800 bờ trái sông Bảy Hạp, xã Hàm Rồng, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau
10	Thới Bình	+0,53	+0,39	09/04 24/04	Km 12+400 bờ trái sông Trèm Trẹm, TT. Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau
11	Sông Đốc	+0,55	+0,01	09/04 28/04	Km 23+470 bờ phải sông Ông Đốc, xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau
12	Lấp Vò	+1,32	+0,02	14/04 18/04	Km 37+300 bờ trái kênh Lấp Vò Sa Đéc, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp
13	Cao Lãnh	+1,31	-0,82	15/04 24/04	Km 180+000 bờ trái sôngTiền, xã Phong Mỹ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

TT	Trạm	H_{max}(m)	H_{min}(m)	Hđo-ngày	Vị trí Trạm
14	Tân Châu	+2,35	-0,20	10/04 28/04	Km 237+600 bờ phải sông Tiền, phường Long Châu, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang
15	Mộc Hóa	+0,49	+0,03	09/04 28/04	Km 129+650- bờ phải sông Vàm Cỏ Tây, xã Tuyên Thạnh, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An
16	Tân Thạnh	+0,80	-0,12	11/04 28/04	Km 14+000 bờ trái kênh Tháp Mười số 1, xã Kiến Bình, H. Tân Thạnh, tỉnh Long An
17	An Long	+0,75	-0,20	04/04 23/04	Km 89+800 bờ trái kênh Tháp Mười số 1, xã An Long, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp
18	Mỹ An	+1,21	-0,28	07/04 22/04	Km 61+500 Bờ trái kênh Tháp Mười số 2, TT Mỹ An, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp

II. Tình hình luồng

STT	Sông	Vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Lý trình Km	Các đặc trưng luồng			
				Độ sâu nhỏ nhất h_{min}	Độ sâu lớn nhất h_{max}	Độ sâu thực đo (h)	Chiều rộng đáy luồng (B)
1	Hồ Trị An	Cầu La Ngà	40+000	Có KTT 2m4 x 16m			
2	Sông Sài Gòn	Cầu Sắt Bình Lợi	30+270	Có KTT 1,5m x 40m			
		Cầu Phú Long (cũ)	42+570	Có KTT 3m x 30m			
3	Rạch Ông Lớn	Cầu Rạch Ông	04+900	Có KTT 5m x 16m			
		Cầu Ông Lớn	01+900	Có KTT 5,5m x 20m			
3	K. Xáng Long Định	Cầu Long Định	10+070	Có KTT 2,4m x 20			
4	Kênh Nước Mặn	Cầu Kênh Nước Mặn	00+900	Có KTT 9m x 40m			
		Cọc sắt cừ Larsen	00+900	Phía bờ tả, nằm ngoài luồng			
5	Rạch Ô Môn	Cầu Ô Môn	06+540	Có KTT 3,2m x 15m			
6	Kênh Xà No	Mảng bê tông, kè BT	32+850	0,8	1,6	1,20	28
7	Kênh Mặc Cần Dưng	Cầu Treo 13	12+480	Có KTT 3,8m x 22m			
8	Kênh Vĩnh Tế	Cầu Vĩnh Ngươn	00+530	Có KTT 3,2m x 24m			
9	K. Rạch Giá Long xuyên	C. Nguyễn Trung Trực	00+890	Có KTT 4,7m x 22m			
		Cầu Thành Vĩnh	14+157	Có KTT 4,5m x 46m			
		Cầu Ba Bần	18+385	Có KTT 5m x 25m			
		Cầu Thoại Hà	27+635	Có KTT 5,3m x 26m			
		Cầu Thoại Hà 3	36+680	Có KTT 5,3m x 30m			
		Cầu Đập Đá	50+745	Có KTT 4,3m x 30m			
		Đá ngầm	30+380	2,5	4,6	2,38	12
10	K. Lương Thế Trân	Khối bê tông 6x10m	00+160	1,5	4,5		
11	K. Bạc Liêu Cà Mau	Cầu Giá Rai	30+175	Có KTT 3,8m x 22m			
12	K. Tháp Mười số 1	Cầu Tân Thạnh	15+980	Có KTT (3,4m x 21m)			
		C.treo Chùa Long Thành	23+220	Có KTT (3m x 28,9m)			
		Cầu treo Tân Lập	27+720	Có KTT (3,7m x 28,3m)			
		C.treo Hậu Thạnh Đông	33+879	Có KTT (3,7m x 28,3m)			
		Cầu Trường Xuân	47+375	Có KTT (5m x 29,6m)			
		Cầu Đường Thét	55+094	Có KTT (5m x 29,6m)			
		Cầu Mười Tài	62+339	Có KTT (5m x 29,6m)			
		Cầu Tam Nông	68+975	Có KTT (5m x 29,6m)			
		Cầu Treo Tam Nông	69+710	Có KTT (2,5m x 20m)			
		Cầu Tràm Chim	70+266	Có KTT (3,6m x 28m)			
		Cầu An Long	89+585	Có KTT (3m x 17m), KTT xéo với trục dòng chảy			
13	Kênh Tháp Mười số 2	Cống Rạch Chanh	01+150	Có KTT 1,8m x 5m			

STT	Sông	Vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Lý trình Km	Các đặc trưng luồng			
				Độ sâu nhỏ nhất h_{min}	Độ sâu lớn nhất h_{max}	Độ sâu thực đo (h)	Chiều rộng đáy luồng (B)
		Cọc BTCT (30x30) ngã ra phía kênh	35+970	Nằm sát bờ, khi nước lớn đầy thành CNV nguy hiểm			
14	K. Hồng Ngự Vĩnh Hưng	Cầu Hồng Ngự	43+985	Có KTT 2.9m x 19m			
15	Kênh 4 Bis	Cầu Sắt Mỹ An	00+110	Có KTT 3,0m x 19.5m			
16	Sông Vàm Cỏ Tây	Cầu Mộc Hóa	128+710	Có KTT 3,5m x 27m			
		Xác tàu chìm cũ	34+200	Phía bờ tả, nằm ngoài luồng			
		cọc sắt và trụ neo tàu	33+970 ÷ 34+090	Phía bờ tả, nằm ngoài luồng			
17	Kênh Phước Xuyên	Cầu Tân Phước	27+500	Có KTT 4,5m x 30m			
18	Kênh 28	Cầu Thông Lưu	08+060	Có KTT 2,6m x 24m			
19	Sông Bến Tre	Cầu Bến Tre	04+360	Có KTT (6m x 26m)			
		Cầu An Hóa	06+200	Có KTT (6,5m x 28m)			
20	Kênh Mỏ Cày	Cầu Mỏ Cày	07+765	Có KTT (4m x 20m)			
		Đường dây diện	13+132	Có tĩnh không 7m			
		Cầu Thơm	13+245	Có KTT (6m x 30m)			
21	Kênh Tư Mới	Cầu Mỹ An	09+823	Có KTT 3,7m x 20m			
22	Kênh Trà Vinh	Cầu Long Bình 1	04+500	Có KTT 2m x 16m			
23	K. Quản Lộ Phụng Hiệp	Cầu Phước Long	58+210	Có KTT 3,8m x 20m			
24	K. Sông Trẹm Cạnh Đền	Cầu Vĩnh Thuận	07+745	Có KTT (6,5m x 27m)			
		Cầu Kênh 14	14+440	Có KTT (6m x 24m)			
25	K Lấp Vò Sa Đéc	Cầu Sắt Sa Đéc	16+320	Có KTT (5,9m x 30m)			
		Cầu Nàng Hai	18+900	Có KTT (5m x 20m)			
		Cầu Vĩnh Thạnh	34+570	Có KTT (6m x 29m)			
		Bờ kè trường cao đẳng nghề Đồng Tháp sụp	16+020 ÷ 16+060	Bờ phải			
26	Nhánh cù lao Long Khánh – sông Tiền	Móng trụ điện	07+510	Bờ trái			
27	Kênh Tắc Vân	Cống BTCT chữ nhật	0+120	Bờ trái			

III.Bãi cạn

TT	Sông, kênh	Bãi cạn, đoạn cạn	Các đặc trưng của luồng					
			Độ sâu (m)	Mực nước (m)	Cao độ (m)	Chiều rộng (m)	Chiều dài (m)	Ngày đo
1	Kênh Chợ Gạo	Luồng cạn K.CG (Km 10 + 000 ÷ km 11+500)	2,75	-0,40	-3,15	26	1500	29/04
2	Kênh Xáng	Vàm kênh Xáng (Km 18 + 400 ÷18+500 (K.Xáng) Km 170+500 ÷ 171+000 (S.Tiền)	2,90	+0,64	-2,26	30	600	29/04
3	Sông Bến Tre	BC.Phú Hưng (Km 00+500 ÷ km 02+500)	3,64	+0,90	-2.74	50	2000	26/04
4	Thốt Nốt	Đoạn cạn từ km 04+140 ÷ km 04+250	3,06	+0,61	-2.45	28	120	25/04
5	Cái Bé	Đạon cạn từ km 05+370 ÷ km 06+020	2,88	+0,61	-2.27	35	650	25/04
6	Cái Lớn	Đoạn cạn từ km 36+500 ÷ km 39+000	4,00	+0,31	-3,69	54	2500	25/04

TT	Sông, kênh	Bãi cạn, đoạn cạn	Các đặc trưng của luồng					
			Độ sâu (m)	Mực nước (m)	Cao độ (m)	Chiều rộng (m)	Chiều dài (m)	Ngày đo
7	Cái Tàu	Đoạn cạn từ km 12+020 ÷ km13+480	3,00	+0,21	-2,79	52	1460	26/04
8	Cái Tư	Đoạn cạn từ km 02+000 ÷ km 04+600	3,10	+0,33	-2,77	>36	2600	28/04
		Đoạn cạn từ km 08+400 ÷ km10+250	3,10	+0,33	-2,77	>36	1850	28/04
		Đoạn cạn từ km 10+450 ÷ km 11+450	3,10	+0,33	-2,77	>36	1000	28/04
9	Ngã Ba Đình	Đoạn cạn từ km 05+100 ÷ km 05+800	3,26	+0,30	-2,96	>36	700	29/04
		Đoạn cạn từ km 07+100 ÷ km 07+650	3,26	+0,30	-2,96	>36	550	29/04
10	Rạch Khe Luông	Đoạn cạn từ km 00+000 ÷ km 01+500	1,62	-0,38	-2,00	20	1500	MN 98%
11	S. Hậu_Nhánh Năng Gù Thị Hòa	Đoạn cạn từ km 08+500 ÷ km 16+550	1,67	-0,23	-1,90	52	8050	MN 98%
12	Kênh Mặc Cần Dưng	Đoạn cạn từ km 08+800 ÷ km 10+200	1,24	-0,06	-1,30	22	1400	MN 98%
13	K. Rạch Giá Long Xuyên	Đoạn cạn từ km 00+200 ÷ km 00+865	0,91	-0,35	-1,26	36	665	MN 98%
14	Sông Bảy Hạp	Bãi cạn Tân Hưng – Chà Là (từ km 25+000÷km 15+000)	1,72	-0,88	-2,60	52	10000	29/04
15	Sông Bảy Hạp	BC Tân Duyệt÷Bến Bào từ km 11+500 ÷ km13+000	1,90	-0,80	-2.70	52	1500	29/04
16	Kênh Lương Thế Trân	Bãi cạn từ km 09+850 đến 10+000	1,16	-0,14	-1,30	25	150	MN 98%
17	Sông Gành Hào	Bãi cạn từ km 43+244 đến km 43+400	1,15	+0,95	-0,20	25	156	MN 98%
		Bãi cạn từ km 46+250 đến km 46+500	1,25	+0,95	-0,30	40	250	MN 98%
		Bãi cạn từ km 47+300 đến km 47+500	1,35	+0,95	-0,40	35	200	MN 98%
18	Kênh Tân Bằng Cán Gáo	Đoạn cạn từ km 00+000 đến km 10+000	1,60	+0,60	-1,00	36	10000	28/04
19	Sông Trèm Trẹm	Luồng cạn, hẹp (46,1 km)	3,00	-0,20	-3,20	36	46100	MN 98%
20	Kênh Bạc	Bãi cạn Cầu Sập – Hòa	1,70	+0,90	-0,80	38	7700	MN

TT	Sông, kênh	Bãi cạn, đoạn cạn	Các đặc trưng của luồng					
			Độ sâu (m)	Mực nước (m)	Cao độ (m)	Chiều rộng (m)	Chiều dài (m)	Ngày đo
	Liêu Cà Mau	Bình						98%
		Bãi cạn Cây Gừa - Láng Trâm km 40+600 đến km 50+600.	1,58	+0,78	-0,80	50	1010 0	MN 98%
21	Kênh 4 Bis	Đoạn cạn từ km 08+400 ÷ km 10+000)	2,26	+0,37	-1,89	36	1600	MN 98%
22	Sông Đồng Nai	Bãi đá Hiếu Liêm km 89+800 ÷ km 90+400	2,98	-0,52	-3,50	35	600	MN 98%
23	Nhánh CL Bạch Đằng	Bãi đá TL Cù lao km 06+500 ÷ km 06+600	2,48	-1,02	-3,50	52	100	MN 98%
24	Sông Sài Gòn	Bãi cạn kv cầu Bến Súc Km 99+950 ÷ km 100+150	3,07	-0,93	-4,00	45	200	MN 98%
		Bãi cạn kv TL cầu Bến Súc km101+850 ÷km 114+680	3,17	-0,83	-4,00	25	1283 0	MN 98%
		Luồng cạn từ km115+500 ÷ km 126+00	1,20	-0,70	-1,90	52	1050 0	MN 98%
25	Kênh Vĩnh Tế	Luồng cạn, hẹp từ km 05+000 ÷ 08+500	2,00	-0,03	-2,03	36	3500	MN 98%
26	Nhánh CL Ông Hổ	Luồng cạn km 01+180 1+850 và từ km 06+500 ÷ 07+500	1,8	-0,28	-2,08	52	50 1000	MN 98%
27	Kênh Quản Lộ Phụng Hiệp	Luồng cạn từ km 00+400 ÷ 101+840 (TL cống Cà Mau)	2,30	-0,27	-2,57	36	101440	MN 98%
28	Kênh Trà Vinh	Luồng cạn từ km 00+000 ÷ km 04+750	0,50	-1,55	-2,05	36	4750	MN 98%
29	R Ông Lớn	Luồng cạn từ km 00+000 ÷ km 05+000	-0,31 (nhô lên)	+1,61	-1,31	52	5000	MN 98%
30	Kênh Tháp Mười số 1	Luồng cạn từ km 00+082 ÷ km 90+000	0,58	+0,18	+0,76	36	8991 8	MN 98%
31	Rạch Cái Nhất	Luồng cạn từ km 00+000 ÷ km 02+940	0,43	-0,10	-0,53	36	2940	MN 98%
		Luồng cạn từ km 03+034 ÷ km 03+075	1,02	-0,10	-1,12	18	41	MN 98%
32	Kênh Tắc Cây Trâm	Luồng cạn từ km 00+000 ÷ km 04+500	0,33	-0,13	-0,46	36	4500	MN 98%
33	K. Sông Trẹm Cạnh Đền	Luồng cạn từ km 00+000 ÷ km 33+500	-0,22 (nhô lên)	-0.16	+0,06	36	3350 0	MN 98%

TT	Sông, kênh	Bãi cạn, đoạn cạn	Các đặc trưng của luồng					
			Độ sâu (m)	Mực nước (m)	Cao độ (m)	Chiều rộng (m)	Chiều dài (m)	Ngày đo
34	Kênh Mỏ Cày	Luồng cạn từ km 07+150 ÷ km 15+400	-0,28 (nhô lên)	-1,51	-1,23	36	8250	MN 98%
35	K. Lấp Vò Sa Đéc	Luồng bên trái cạn từ km 08+170 ÷ km 08+350	4,37	+0,63	-3,74	4,6	180	28/04
		Luồng cạn từ km 08+500 ÷ km 09+550	3,69	+0,63	-3,06	36	1050	28/04
		Luồng bên trái cạn từ km11+530 ÷ km 11+575	3,93	+0,63	-3.30	6,5	45	28/04
		Luồng bên phải cạn từ km12+100 ÷ km 12+470	4,04	+0,63	-3,41	7,5	370	28/04
		Luồng bên phải cạn từ km 12+900 ÷ km 13+425	2,40	+0,63	-1,77	12,7	1475	28/04
		Luồng cạn từ km 13+500 ÷ km 14+500	3,64	+0,63	-3,01	36	1000	28/04
		Luồng bên phải cạn từ km 23+300 ÷ km 23+350	2,98	+0,98	-2,00	2,5	50	26/04
		Luồng bên phải cạn từ km 26+320 ÷ km 26+370	3,69	+0,98	-2,71	4,1	50	26/04
		Luồng bên trái cạn từ km 26+470 ÷ km 26+700	2,01	+0,98	-1,03	3,0	230	26/04
		Luồng cạn từ km26+700 ÷ km 46+000	0,98	+0,98	0,00	36	19300	26/04
		Luồng bên phải cạn từ km 47+400 ÷ km 47+800	3,38	+0,98	-2,40	11	400	26/04

IV. Một số điều lưu ý khi đi trên tuyến:

- Cầu Vĩnh Thạnh tại km 34+470 kênh Lấp Vò Sa Đéc đang thi công, tại hiện trường có bố trí đầy đủ báo hiệu theo phương án được chấp thuận.

- Kênh Quản Lộ Phụng Hiệp tại km 101+700 (thượng lưu cống Cà Mau khoảng 120m), tỉnh Cà Mau đang thi công xây dựng cầu Phụng Hiệp; Tại km 74+510 hiện đang thi công cầu số 2 (đã xong phần lao lắp dầm, hiện thi công phần mặt cầu); tại km 49+500 đang thi công công trình cống âu Ninh Quới.

- Kênh Tắt Năm Căn tại km 02+700 triển khai thi công cầu Cái Nai.

- Sông Trèm Trẹm hiện đang thi công cầu Sông Trẹm tại km 33+500.

- Kênh Tân Bằng Cán Gáo đang thi công cầu xã Đông Hưng tại km 11+700, cầu Thứ 7 tại km 23+200 (tới giai đoạn lao lắp dầm nhịp khoang thông thuyền).

- Tại khu vực từ Km4+340-Km4+380, kênh Rạch Sỏi Hậu Giang tồn tại vật chướng ngại: sàn bê tông kích thước (9x5,8m), có bố trí một phao loại A1.2 tại đây.

- Trên kênh Rạch Giá Hà Tiên, tại Km 65+950 hiện đang đắp đập ngăn mặn, luồng tại đây tắc hoàn toàn, cách công trình về hai phía thượng, hạ lưu 300m, có bố trí báo hiệu C1.1.1b.

- Trên tuyến kênh rạch Ông Chưởng, tại km 19+610 đang thi công cầu Long Giang - Long Kiến (đã đến giai đoạn lao lắp dầm nhịp thông thuyền).

- Trên tuyến kênh Vĩnh Tế đang thi công cầu tại km 05+030, phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Trên tuyến kênh Rạch Giá Long Xuyên, trong phạm vi từ km 00+220 ÷ km 0+370, phía bờ trái có chướng ngại vật là lớp rọ đá có cao trình +0,5m, có báo hiệu chướng ngại vật cảnh báo; Đang tạm ngưng thi công khắc phục sạt lở bờ từ km 02+923 ÷ km 02+978 phía bờ phải; công trường thi công khắc phục sạt lở bờ trái, từ km 03+880 ÷ km 03+920 hiện đang tạm ngưng thi công, cách công trường 100m về hai phía thượng và hạ lưu có duy trì 02 phao loại A1.2; tại km 30+000 đang thi công cầu treo Lý Thường Kiệt.

- Trên kênh Tri Tôn Hậu Giang, tại km 31+620 đang thi công cầu Kênh 5.

- Trên kênh Ba Thê, tại Km 24+640 hiện đang có công trường thi công thay thế cầu Thạnh Lợi cũ

- Trên nhánh cù lao Bạch Đằng - sông Đồng Nai, tại khúc cong km 06+500 có bãi đá từ bờ phải ra tới mép luồng, các phương tiện lưu ý cần đi theo luồng lệch về phía bờ trái theo 03 phao dẫn luồng thả tại hiện trường.

- Cầu đường sắt Bình Lợi tại km 30+140 sông Sài Gòn đang điều tiết khống chế đảm bảo giao thông đường thủy nội địa, các phương tiện khi lưu thông qua khu vực các cầu này phải tuyệt đối tuân thủ sự hướng dẫn và điều động của lực lượng điều tiết tại chỗ. Trên sông Sài Gòn công trình cầu Thanh An tại km 111+550 hiện đang tạm ngưng thi công; Tại km 110+150 có công trình khai thác cát,, có phao bố trí phao dẫn luồng; Tại km 55+000 đến km 55+600, bờ trái đang thi công kè của Ban QLDA TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; từ km 63+550 đến km 64+150, từ km 65+125 đến km 65+715, từ km 69+150 đến km 69+650 (từ sông Lu đến rạch Láng The) bờ phải, thuộc địa phận xã Trung An, huyện Củ Chi, TPHCM đang thi công; từ km 82+150 đến km 82+950 và km 84+800 đến km 85+600 (từ rạch Sơn đến rạch Cầu Đen), thuộc địa phận xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi, TPHCM nằm phía bờ phải đang thi công; Công trình tháo dỡ cầu Phú Long cũ tại Km 42+570 sông Sài Gòn đang thi công, có điều tiết hướng dẫn giao thông tại đây.

- Trụ chống va hạ lưu phía bờ phải cầu Bến Lức 1 tại km 21+770 sông Vàm Cỏ Đông bị sụp ngã vào phía trụ cầu, đã lắp đặt báo hiệu; đang tiến hành sửa chữa, có lực lượng điều tiết hướng dẫn giao thông tại đây.

- Trên sông Vàm Cỏ Tây đang thi công cầu Tân An mới tại km 35+570.

- Trên sông Vàm Cỏ Đông, phía bờ phải đang thi công kè thị trấn Đông Thành từ km 74+070 ÷ km 74+500, có bố trí 02 phao vùng nước loại B4.1 ở thượng và hạ lưu khu vực.

- Trên nhánh cù lao Rùa – sông Đồng Nai đang thi công trụ chống va cầu Thạnh Hội.

- Đang điều tiết hướng dẫn phương tiện tại các cầu Rạch Ông tại km 04+900 rạch Ông Lớn, cầu Măng Thít tại km 21+500 tuyến Măng Thít, cầu Ô Môn tại km

06+540 rạch Ô Môn, cầu Hồng Ngự tại km 44+010 kênh Hồng Ngự Vĩnh Hưng, cầu An Long tại km 89+620 kênh Tháp Mười số 1, cầu Rạch Sỏi 2 tại km 58+425 kênh Rạch Sỏi Hậu Giang, cầu Cái Sắn tại km 00+800 kênh Rạch Sỏi Hậu Giang, các phương tiện khi lưu thông qua khu vực các cầu này phải tuyệt đối tuân thủ sự hướng dẫn và điều động của lực lượng điều tiết tại hiện trường.

- Trên Hồ Trị An ngang km 10+500 có công trường đang khai thác cát do Công ty Đồng Tâm thực hiện, không ảnh hưởng luồng.

Cục Đường thủy nội địa Việt Nam công bố Thông báo hiện trạng luồng chạy tàu tháng 5/2019 trên các tuyến sông khu vực miền Nam để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia giao thông đường thủy nội địa được biết.

Các chủ phương tiện lưu thông trên các tuyến sông cần chủ động tìm hiểu điều kiện thực tế của luồng và chỉ dẫn của báo hiệu để quyết định điều khiển phương tiện lưu hành an toàn./.

Nơi nhận:
- Cục trưởng (để b/c);
- Chi cục ĐTNĐphía Nam;
- Các CV ĐTNĐ 3, 4;
- Website Cục ĐTNĐ Việt Nam;
- Lưu: VT, QLKCHT.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CỤC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA VIỆT NAM
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Phan Văn Duy